TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HSST
Ngày 02/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh
2. Ông Nguyễn Văn Hiển

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:

Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 02/11/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H, sinh ngày: 02/11/1967

Nơi sinh: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/10

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Bùi Văn Đ, đã chết và bà Vũ Thị K, sinh năm 1932

Có vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1975.

Con: Có 02 con: con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1999.

Nhân thân: Năm 1987 tham gia quân đội, năm 1990 xuất ngũ về địa phương lao động tự do.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng từ ngày 19/7/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh Văn K, sinh ngày 02/05/1966.

Nơi sinh: Xã V, huyện H, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/10.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Đinh Văn Ch, đã chết và bà Bùi Thị H, đã chết

Gia đình có 03 anh em, K là con thứ 2.

Có vợ: Lê Thị Ng, sinh năm: 1966.

Con: Có 03 con: con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993.

Nhân thân: Năm 1984 tham gia quân đội, đến năm 1987 xuất ngũ về địa phương lao động tự do.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

** Bị hại:*

1. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1982

2. Bà Lương Thị M, sinh năm 1948

Cùng nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh T

3. Ông Nguyễn Khắc V, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T

4. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2000

Nơi cư trú: thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh T

5. Ông Lê Khắc K, sinh năm 1948

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T

6. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh T

7. Anh Vũ Quang Á, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh T

8. Ông Lê Duyên Th, sinh năm 1944

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh T

9. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn N, xã Ch, huyện Đ, tỉnh T

10. Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1984

11. Ông Lê Đức S, sinh năm 1948

12. Anh Lê Đức N, sinh năm 1984

13. Chị Nguyễn Thị Minh Ch, sinh năm 1978

14. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1987

Cùng cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982

2. Anh Nguyễn Thế Kh, sinh năm 1973

3. Bà Vũ Thị S, sinh năm 1956

4. Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1984

5. Anh Đinh Văn H, sinh năm 1973

Cùng cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T

6. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964

7. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1976

Cùng cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T.

8. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh T

** Người làm chứng*:

1. Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T

(Tại phiên tòa có mặt anh H, bà M, ông M, anh S, chị Ch, chị Nh, anh Kh, anh T. Vắng mặt ông V, chị Nguyễn Thị Th, ông K, anh Á, ông Th, anh Th, ông S, anh N, chị H, bà S, anh Tr, anh H, chị M, anh H, chị Bùi Thị Th, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi trộm cắp tài sản của Bùi Văn H:

Khoảng 22 giờ ngày 12/5/2018, Bùi Văn H đi xe đạp màu đen đến gia đình anh Đặng Văn H lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 5a, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, lấy của bà M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen, lấy chiếc quần dài thô màu trắng, lấy chùm chìa khóa. Sau khi mở được cổng H vất chùm chìa khóa này xuống ao nhà anh H. H lục tìm tài sản trong quần thì có chiếc ví da màu đen, trong ví có số tiền 1.100.000 đồng, 01 giấy chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên anh H. H lấy hết số tiền này rồi lại đút ví vào túi quần, vất chiếc quần xuống đường, hai chiếc điện thoại trộm cắp được H bị rơi mất 01 chiếc Nokia 105. Sáng hôm sau, H mang chiếc điện thoại Xiaomi Redmi 5a tháo sim vất đi và bán cho anh Hoàng Văn H với giá 700.000 đồng. Khi mua bán H không nói cho anh H biết và anh H cũng không hỏi gì về nguồn gốc chiếc điện thoại. Số tiền bán điện thoại và tiền 1.100.000 đồng lấy được trong ví của anh H, H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đối với chiếc điện thoại Nokia 105 H trộm cắp của bà M và làm rơi trên đường được chị Bùi Thị Th nhặt được vào sáng ngày 13/5/2018. Sau khi biết được đây là điện thoại của bà M, chị Th đã trả lại cho bà M. Đến 0 giờ, ngày 13/7/2018, H mang theo chiếc kìm cộng lực và chiếc tô vít với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến đường 39 thuộc thuộc địa phận xã M, Đông Hưng thì bị tổ tuần tra của Công an huyện Đông Hưng nghi ngờ nên yêu cầu H về Ủy ban nhân dân xã M và trụ sở Công an huyện Đông Hưng để làm việc. Tại đây H đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản tại xã H, huyện Đ. Cơ quan điều tra đã lập biên bản và quản lý của H 01 xe đạp màu đen, 01 chiếc tô vít, 01 chiếc kìm cộng lực. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn quản lý của Hóa 01 xe đạp màu trắng bạc; 01 mũ lưỡi trai màu nâu; 01 tô vít; 01 đôi dép tổ ong màu trắng.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn H, thu giữ: 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và Lv-Mobile, 01 đèn pin, 01 dao bấm, 01 đoạn sắt hình chữ L, 02 sim điện thoại di động, 01 khẩu súng dạng súng bắn điện vỏ nhựa, 02 chiếc ví.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 189 ngày 15/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 chiếc điện thoại Xiaomi Redmi 5a của anh Đặng Văn H có giá trị là 2.261.590 đồng; 01 điện thoại Nokia 105 của bà Lương Thị M có giá trị 160.000 đồng; 01 quần kaki màu trắng; 01 ví da cũ; 01 chùm chìa khóa không còn giá trị sử dụng. Tổng số tài sản và tiền mặt H trộm cắp là: 3.521.590 đồng (Ba triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi đồng).

Quá trình điều tra, H tự khai nhận: ngoài hành vi trộm cắp tài sản tại xã H, từ năm 2017 đến nay bản thân còn thực hiện các lần trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Đông Hưng cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 23 giờ ngày 22/2/2017, H đi xe đạp màu đen từ nhà mang theo chiếc kìm cộng lực và chiếc tô vít với mục đích sang huyện Đông Hưng để trộm cắp tài sản. H đến nhà anh Nguyễn Khắc V lấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momeium, màu đen, biển kiểm soát 17MĐ3-018.08. Chiếc xe này để cạnh chiếc xe máy Wave RSX, hai bánh trước của hai xe được khóa bằng chiếc khóa dây cáp, vỏ bọc nhựa. H dùng kìm cộng lực cắt đứt dây cáp khóa, dong chiếc xe máy điện ra cổng, dùng đầu mũi kìm cộng lực bẩy khóa cổng bung ra, mở cổng, dong xe ra ngoài đường, vất chiếc khóa dây cáp và khóa cổng xuống ruộng lúa cạnh nhà anh V, dùng đầu tô vít tra vào ổ khóa điện của xe vặn mở, tay phải điều khiển xe máy điện, tay trái dong xe đạp đi về nhà. Khi đi đến đường trục thôn B, xã H, H dừng xe và dùng tay tháo biển số xe máy điện vất xuống mé đường rồi tiếp tục điều khiển xe về nhà ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 23/2/2017, H điều khiển xe máy điện lấy được của nhà anh V đi ra quán sửa xe của Đinh Văn K ở cùng thôn nhờ K sửa sang lại xe, mục đích cho dễ bán. K đã thay ổ khóa điện hết 120.000 đồng, nối dây điện và rửa xe, tổng cộng hết 200.000đồng. Sau khi sửa xong, H nói với K có ai mua thì bán hộ giá 3.500.000 đồng nếu bán được hơn thì cứ giữ lại là tiền sửa xe và tiền lãi, khi H nhờ K bán xe máy điện H không nói và K không hỏi gì về nguồn gốc xe. K nghĩ chiếc xe máy điện này là của nhà H nên đã đồng ý mua và trả H 3.500.000 đồng. Số tiền này H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đối với K, sau khi mua chiếc xe trên đã cho em vợ là Lê Thị B, sinh năm 1975, ở xã Ch, huyện H để sử dụng. Ngày 16/7/2018 K đã lấy lại chiếc xe máy điện trên giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đối với chiếc biển số xe máy điện, chiếc khóa dây cáp và khóa cổng nhà anh V, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 224 ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận chiếc xe máy điện của anh V có trị giá: 8.628.850đồng (tám triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Lần thứ hai:

Khoảng 23 giờ ngày 03/3/2017, H đi xe đạp màu đen từ nhà, mang theo chiếc kìm cộng lực và chiếc tô vít đến nhà chị Nguyễn Thị Th lấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu Jili, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17MĐ3-025.26, xe còn đang cắm sạc điện. H

tháo dây sạc, dong xe ra cổng, dùng kìm cộng lực cắt đứt khuy cổng, rút then cài cổng vất xuống ao, mở cổng dong xe ra chỗ để xe đạp. H dùng tô vít tra vào ổ khóa điện vặn mở, tay phải điều khiển xe máy điện, tay trái dong xe đạp đi về nhà. Khi đi đến đường 39 xã M, cách Ủy ban nhân dân xã M khoảng 100 mét, H dừng xe, dùng tay tháo biển số xe máy điện vất xuống mé đường bên phải theo hướng đi rồi tiếp tục điều khiển xe về nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 04/3/2017, H đi xe máy điện lấy được của nhà chị Th ra quán sửa xe của K nhờ sửa hộ. K đã nối dây điện, thay ổ khóa, thay lốp trước hết tổng cộng là 500.000 đồng. Sáng hôm sau H đến lấy xe và nhờ K bán hộ với giá 4.000.000 đồng, nếu bán được hơn thì K giữ lại tiền sửa xe. H không nói và K không hỏi gì về nguồn gốc xe, K không biết rõ chiếc xe máy điện này là tài sản do H trộm cắp mà có. Đến ngày 06/3/2017, K bán chiếc xe máy điện này cho chị Bùi Thị M được 5.300.000 đồng. Sau khi nhận tiền K đưa cho H 4.000.000 đồng, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/7/2018, chị M đã giao nộp chiếc xe máy điện trên cho Cơ quan điều tra. Chiếc biển số xe máy điện 17MĐ3-025.26, 01 chiếc then cửa nhà chị Th, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 225 ngày 29/8/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận chiếc xe máy điện nhãn hiệu Jili, màu đỏ đen của chị Th có trị giá là: 11.000.400 đồng (mười một triệu bốn trăm đồng).

Lần thứ ba:

Khoảng 22 giờ ngày 11/9/2017, H đi xe đạp màu trắng bạc từ nhà, mang theo chiếc kìm cộng lực và chiếc tô vít đến nhà ông Lê Khắc K lấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momeium, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17MĐ3 - 044.15 ra chỗ để xe đạp. Sau đó, H dùng tô vít tra vào ổ khóa điện của xe vặn mở, tay phải điều khiển xe máy điện, tay trái dong xe đạp đi về nhà. Khi đi đến đường 39 xã Ch, huyện Đông Hưng cách cầu vào xã Ch khoảng 30 mét, H dừng xe, dùng tay tháo biển số xe máy điện vất xuống mé đường bên phải theo hướng đi rồi tiếp tục điều khiển xe đi về nhà. Ngày 14/9/2017, H bán chiếc xe máy điện này cho anh Nguyễn Thế Kh được 3.300.000 đồng. Khi mua H nói với Kh đây là xe của cháu gái ở Hà Nội không dùng đến, Kh đã đồng ý mua. Số tiền bán chiếc xe H sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/7/2018, anh Kh giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra. Đối với chiếc biển số xe máy điện 17MĐ3-044.15 Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Tại bản kết luận định giá số 208 ngày 16/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đông Hưng định giá chiếc xe máy điện nhãn hiệu Momeium, màu đỏ đen của ông K có trị giá là: 8.312.500 đồng (tám triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 17/9/2017, H đi xe đạp màu trắng bạc đến nhà anh Nguyễn Văn M lấy chiếc ti vi nhãn hiệu Samsung, màn hình phẳng, 48 inch, chiếc túi xách, tấm nỉ màu đỏ, H lục tìm tài sản trong chiếc túi nhưng không có tài sản gì nên vất chiếc túi ra vườn nhà anh M. H nhìn thấy có chùm chìa khóa,

nghĩ là chìa khóa cổng nên lấy chùm chìa khóa ra mở cổng thì mở được. H vất chiếc khóa cổng và chùm chìa khóa này xuống ao phía cổng nhà anh M. Đến ngày 20/9/2017, bán chiếc tivi này cho anh Nguyễn Xuân T được 5.200.000 đồng. Khi bán H nói với anh T là ti vi cũ của nhà muốn bán đi để đổi ti vi mới. Số tiền bán chiếc tivi, H sử dụng chi tiêu cá nhân hết, còn tấm nỉ H sử dụng để trải nền nhà được khoảng 2 đến 3 tháng thì bị rách, H cắt ra để nhóm bếp của gia đình.

Ngày 03/8/2018 anh T giao nộp chiếc ti vi này cho Cơ quan điều tra. Đối với chiếc khóa cổng và chùm chìa khóa nhà anh M cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Ngày 22/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng định giá chiếc tivi của nhà anh M có trị giá là: 7.699.650đồng, tấm nỉ lót nền có giá trị là 337.500 đồng. Tổng trị giá tài sản là 8.037.150 đồng (Tám triệu không trăm ba bảy nghìn một trăm năm mươi đồng)

- Lần thứ năm:

Khoảng 22 giờ ngày 29/9/2017, H đi xe đạp màu đen từ nhà, mang theo chiếc kìm cộng lực và chiếc tô vít đến nhà anh Vũ Quang Á lấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu X-men, màu xanh đen, biển kiểm soát 17MĐ3-062.21. Khi đi đến đường trục xã M, cách đường 39 khoảng 100m, H dừng xe, dùng tay tháo biển số xe máy điện vất xuống mé đường bên phải theo hướng đi rồi tiếp tục điều khiển xe đi về. Khi về nhà H mở cốp xe máy điện để kiểm tra thì trong cốp xe có đăng ký xe máy điện và 250.000 đồng. Số tiền trong cốp xe H lấy để sử dụng, còn chiếc đăng ký xe H đốt đi. Sáng ngày 30/9/2017, H điều khiển xe máy điện lấy được của nhà anh Á đến quán sửa xe của K nhờ sửa xe. K đã thay ổ khóa, nối lại dây điện; đổ keo vào 2 bánh; thay bóng đèn tổng cộng hết 350.000 đồng. Sửa xong H đến lấy xe và nói với K "bán hộ chiếc xe này, tôi chỉ lấy 4.000.000 đồng, ông bán được hơn thì giữ lại bù vào tiền sửa, còn lại lãi là của ông". Lúc này K nghi ngờ về nguồn gốc của chiếc xe máy điện này nên có hỏi H "xe này thế nào" H nói "là xe thuổng đấy" nghĩa là xe "trộm cắp đấy". K hiểu là xe do H trộm cắp được mà có nên nói "thế thì sợ lắm, ngại lắm, không chơi đâu" H nói "không sao đâu". Do nghĩ xe này đẹp, mới, nếu bán được sẽ được lời nên K đồng ý. Đến ngày 05/10/2017, K bán chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị Nh được 6.000.000 đồng. Khi bán K không nói nguồn gốc chiếc xe trên cho chị Nh biết. K đưa cho H 4.000.000 đồng, số tiền còn lại gồm 350.000 đồng tiền sửa xe và 1.650.000 đồng tiền lãi K đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 14/7/2018 chị Nh giao nộp chiếc xe cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 223 ngày 28/8/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng định giá chiếc xe máy điện của anh Á có trị giá là: 12.291.250 đồng (mười hai triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Lần thứ sáu:

Khoảng 22 giờ ngày 30/4/2018, H đi xe đạp màu đen đến nhà ông Lê Duyên Th lấy chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Bridgestone, màu trắng xanh không có biển kiểm soát. Ngày hôm sau, H bán chiếc xe đạp điện này cho bà Vũ Thị S được

2.300.000 đồng. Khi bán H không nói cho bà S biết về nguồn gốc chiếc xe. Bà S nghĩ xe này là xe cũ của gia đình H nên đã mua. Số tiền bán xe H sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/7/2018 bà S đã giao nộp chiếc xe cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 209 ngày 16/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng định giá chiếc xe đạp điện Bridgestone, màu trắng xanh của ông Th có trị giá là: 7.525.350đồng (bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi đồng).

- Lần thứ bẩy:

Khoảng 23 giờ ngày 24/5/2018, H đi xe đạp màu trắng bạc đến nhà anh Nguyễn Ngọc S lấy 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71, và Vivo V5(s). Về đến nhà, H tháo hai chiếc sim trong hai chiếc điện thoại này ra cho vào trong két sắt của gia đình rồi đi ngủ. Sau đó H bán hai chiếc điện thoại này đến khu vực ngã tư T bán cho một người đàn ông tên Kh, không rõ địa chỉ, ngồi uống nước ở quán cùng H được 2.500.000 đồng. Số tiền bán điện thoại H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra không tìm được người đàn ông tên Kh như H khai và không thu được 02 chiếc điện thoại trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng số 206 ngày 15/8/2018 định giá 02 chiếc điện thoại của anh S có tổng giá trị là: 8.949.600 đồng (tám triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

- Lần thứ tám:

Khoảng 22 giờ ngày 30/5/2018, H đi xe đạp màu trắng bạc đến nhà anh Nguyễn Hữu Th lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 01 điện thoại Kyocera, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen và 01 điện thoại Samsung Galaxy Grand, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, Lấy nhà ông Lê Đức S chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, loại bàn phím. Lấy nhà anh Lê Đức N chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Mirror 5, màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh đen, đang sạc điện. Lấy nhà chị Nguyễn Thị Minh Ch, chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico, màu xanh đen, biển kiểm soát 17MĐ3-059.10 . Lấy nhà chị Vũ Thị H chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, màn hình cảm ứng. Sau đó H điều khiển xe máy điện sang huyện V, Hải Phòng để tìm chỗ bán xe máy điện trộm cắp được. Khi đến huyện V, H vào quán nước ven đường uống nước sau đó bán chiếc máy điện cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ngồi uống nước ở quán cùng H được 3.500.000 đồng. Sau đó, H bắt xe khách về huyện H, lấy xe đạp, đạp xe về nhà. Khi về nhà H lấy điện thoại trộm cắp được trong hai túi quần ra thì chỉ còn 04 chiếc gồm: Sony Xperia, Oppo Mirror 5, Samsung J5 và Nokia 1280 ở túi quần hậu bên phải. Còn lại 03 chiếc khác đã bị rơi mất. Do cả bốn chiếc điện thoại còn lại đều bị vỡ màn hình không sử dụng được nên H bán cho người phụ nữ thu mua đồng nát không biết tên, tuổi, địa chỉ được 40.000 đồng. Số tiền bán xe máy điện và điện thoại H sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại các bản kết luận định giá số 207, 210, 212, 213 ngày 15, 17 và 20/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: 03 chiếc điện thoại Masstel, Kyocera, Samsung Galaxy Grand của anh Th trị giá: 2.259.840 đồng; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 của ông S trị giá: 90.000 đồng; 02 chiếc điện thoại Sony Xperia và Oppo Mirror 5 của anh N trị giá: 2.015.000 đồng; 01 chiếc xe máy điện Anbico, màu xanh đen của chị Ch trị giá: 12.375.450 đồng; 01 chiếc điện thoại Samsung J5 của chị H trị giá: 3.600.000 đồng. Tổng số tài sản trên là 20.340.290 đồng (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi đồng).

2. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội của Đinh Văn K:

Đinh Văn K là thợ sửa xe và có mở quán sửa chữa xe đạp, xe máy tại thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T. Khoảng 08 giờ ngày 30/9/2017, K đang ở quán thì H đi xe máy điện loại X men màu xanh đen, không có biển kiểm soát (Chiếc xe máy điện này H trộm cắp của anh Vũ Quang Á)đến thuê K sửa xe và để xe tại quán. K thấy ổ khóa điện của xe bị hỏng nên thay ổ khóa điện, sửa chữa, thay bóng đèn và rửa xe cho H hết tổng số tiền 350.000 đồng. Sáng hôm sau H đến quán sửa xe gặp K, H nói "bán hộ chiếc xe này, tôi chỉ lấy 4.000.000 đồng, ông bán được hơn thì giữ lại bù vào tiền sửa, còn lại lãi là của ông". Do trước đó K đã mua 02 chiếc xe máy điện của H nên K nghi ngờ về nguồn gốc của chiếc xe máy điện này nên hỏi H "xe này thế nào" H nói "là xe thuổng đấy" xe "trộm cắp đấy". K biết rõ chiếc xe máy điện này là do H trộm cắp được mà có nên nói "thế thì sợ lắm, ngại lắm, không chơi đâu" H nói "không sao đâu". Do xe này còn mới, nếu bán được cũng sẽ được lời nên K đã đồng ý bán hộ. Đến ngày 05/10/2017, K bán chiếc xe máy điện này cho chị Nguyễn Thị Nh với giá 6.000.000 đồng, khi mua bán chị Nh không hỏi và K không nói cho chị Nh biết nguồn gốc của chiếc xe. Sau khi bán được xe K đưa cho H 4.000.000 đồng. Trừ đi tiền công 350.000 đồng, số tiền còn lại K thu lời bất chính là 1.650.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/7/2018 chị Nh đã giao nộp chiếc xe máy điện trên cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh Vũ Quang Á. Chị Nh yêu cầu K phải bồi thường cho chị số tiền 6.000.000đồng. K chấp nhận bồi thường nhưng chưa bồi thường được khoản nào.

Tại bản cáo trạng số 69/KSĐT ngày 05/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Đinh Văn K về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

<u>Tại phiên toà sơ thẩm</u>:

Các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh H, bà M, ông M, anh S, chị Ch, chị Nh, anh Kh, anh T trình bày:

- Anh Đặng Văn H yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho anh các khoản sau: tiền điện thoại 2.261.590đồng, tiền mặt 1.100.000đồng; lệ phí làm chứng minh thư nhân dân, đăng ký, giấy phép lái xe, thẻ ngân hàng Techcombank và xăng xe đi lại là 400.000đồng, 02 ngày công đi làm thủ tục là 600.000đồng, tổng cộng là 4.361.590 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi đồng). Đối với 01 quần kaki màu trắng, 01 ví giả da, 01 chùm chìa khóa đã cũ không còn gía trị sử dụng anh H không yêu cầu H bồi thường.

- Bà Lương Thị M đã được nhận lại điện thoại không yêu cầu bị cáo H bồi thường.

- Anh Nguyễn Thế Kh yêu cầu bị cáo H phải bồi thường 3.300.000 đồng tiền đã mua xe.

- Anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo H bồi thường 337.500 đồng tấm nỉ lót. Các tài sản khác gồm khóa cổng và chìa khóa đã mất không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường 5.200.000 đồng tiền đã mua tivi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Nguyễn Thị Nh yêu cầu yêu bị cáo K bồi thường số tiền 6.000.000 đồng tiền mua xe máy điện của K.

- Anh Nguyễn Ngọc S yêu cầu bị cáo H bồi thường 8.949.600 đồng tiền điện thoại theo định giá.

- Chị Nguyễn Thị Minh Ch yêu cầu bị cáo H bồi thường 12.375.450 đồng.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015

Bị cáo Đinh Văn K phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

* Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm r,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đề nghị xử phạt H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo là lao động tự do và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

* Áp dụng Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đề nghị xử phạt bị cáo K 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định.

Về trách nhiệm dân sự:

* Áp dụng Điều 48 BLHS 2015, Điều 584 BLDS 2015.

- Buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: 47.088.980 đồng trong đó các bị hại là 33.988.980đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 13.100.000đồng.

- Buộc bị cáo K phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 11.3000.000đồng. Ngày 17/10/2018 bị cáo đã nộp 2.000.000đồng tiền bồi thường cho chị Nguyễn Thị Nh tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng nên số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho chị Nh là 4.000.000đồng, chị M là 5.300.000đồng.

Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Đối với 02 chiếc xe đạp cũ bị cáo H dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc tô vít; 01 chiếc kìm cộng lực; 01 đôi dép; 01 mũ lưỡi trai; 01 đèn pin; 01 dao bấm; 01 đoạn sắt hình chữ L; 02 sim điện thoại.

- Đối với số tiền: 4000.000 đồng bị cáo H bán xe máy điện hiệu X men cho K tại lần trộm cắp thứ 5, K biết là tài sản trộm cắp nhưng vẫn mua sau đó bán cho chị Nh với giá 6000.000 đồng. Bị cáo K đã nhận bồi thường cho chị Nh, bị cáo H không phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự nên xác định 4000.000 đồng trên là tiền bị cáo H phạm tội mà có. Áp dụng Khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần truy thu thu sung quỹ nhà nước số tiền 4000.000 đồng của bị cáo H.

Ngoài ra còn đề nghị về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đinh Văn K nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Văn K phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại: anh Đặng Văn H, bà Lương Thị M, ông Nguyễn Khắc V, chị Nguyễn Thị Th, ông Lê Khắc K, ông Nguyễn Văn M, anh Vũ Quang Á, ông Lê Duyên Th, anh Nguyễn Ngọc S, anh

Nguyễn Hữu Th, ông Lê Đức S, anh Lê Đức N, chị Nguyễn Thị Minh Ch, chị Vũ Thị H.

- Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Thế Kh, chị Bùi Thị M, bà Vũ Thị S, anh Nguyễn Quang Tr, anh Đinh Văn H, anh Nguyễn Xuân T, anh Hoàng Văn H.

- Lời khai của những người làm chứng gồm: chị Bùi Thị Th, anh Phạm Văn T.

- Sơ đồ hiện trường và biên bản khám ghiệm hiện trường.

- Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản truy tìm vật chứng.

- Bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng.

Do đó có đủ cơ sở kết luận trong thời gian từ tháng 02/2017 đến ngày 30/5/2018, Bùi Văn H đã có hành vi trộm cắp 05 chiếc xe máy điện, 01 xe đạp điện, 11 điện thoại di động, 01 ti vi, 01 tấm lót nền và tiền mặt 1.350.000 đồng của: anh Đặng Văn H, bà Lương Thị M, ông Nguyễn Khắc V, chị Nguyễn Thị Th, ông Lê Khắc K, ông Nguyễn Văn M, anh Vũ Quang Á, ông Lê Duyên Th, anh Nguyễn Ngọc S, anh Nguyễn Hữu Th, ông Lê Đức S, anh Lê Đức N, chị Nguyễn Thị Minh Ch, chị Vũ Thị H, với tổng trị giá tài sản là: 88.856.980đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Ngày 30/9/2017, Đinh Văn K không hứa hẹn trước nhưng biết rõ chiếc xe máy điện nhãn hiệu X men màu xanh đen có trị giá 12.291.250 đồng là do Bùi Văn H trộm cắp mà có nhưng K vẫn mua. Hành vi của bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và hành vi của bị cáo Đinh Văn K phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 250: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu

đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này.

[3] Về điều luật áp dụng : Hành vi trộm cắp tài sản của Bùi Văn H được thực hiện từ năm 2017 nhưng đến năm 2018 mới bị phát hiện và đưa ra xét xử. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Đinh Văn K thực hiện vào năm 2017, nhưng đến năm 2018 mới bị phát hiện và đưa ra xét xử. Tuy nhiên, mức hình phạt quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nặng hơn mức hình phạt quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và mức hình phạt quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, việc xét xử bị cáo H theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo K theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp với Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[4] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy:

Hành vi của bị cáo H đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình, bị cáo muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không chịu lao động nên đã phạm tội. Vì vậy, việc xét xử các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết để giáo dục bị cáo và có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Hành vi của bị cáo K đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: Các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Văn K đều có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Bị cáo H tự thú và thành khẩn khai báo, bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tích cực bồi thường thiệt hại cho bị hại nên bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Đinh Văn K có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần cách ly bị cáo có thể cho bị cáo hưởng án treo như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị là phù hợp. Bị cáo Bùi Văn H nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 88.856.980đồng nên cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo đều làm nghề tự do, thu nhập không ổn định.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Chiếc điện thoại Nokia 105 của bà Lương Thị M có giá trị 160.000 đồng, bà M đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Anh Đặng Văn H yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho anh các khoản sau: tiền điện thoại 2.261.590đồng, tiền mặt 1.100.000đồng; lệ phí làm chứng minh thư nhân dân, đăng ký, giấy phép lái xe, thẻ ngân hàng Techcombank và xăng xe đi lại là 400.000đồng, 02 ngày công đi làm thủ tục là 600.000đồng, tổng cộng là 4.361.590 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi đồng). Đối với 01 quần kaki màu trắng, 01 ví giả da, 01 chùm chìa khóa đã cũ không còn gía trị sử dụng anh H không yêu cầu H bồi thường. Bị cáo H chấp nhận các khoản bồi thường nhưng chưa bồi thường cho anh H.

[7.2] Ngày 31/8/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bị hại là anh Nguyễn Khắc V. Anh V đã nhận lại được xe nên không yêu cầu bồi thường. Đối với các tài sản khác gồm biển số xe máy điện; chiếc khóa dây và khóa cổng anh không yêu cầu bồi thường.

Đinh Văn K yêu cầu H phải bồi thường khoản tiền 3.500.000 đồng tiền đã mua xe, ngoài ra không yêu cầu bồi thường khoản nào khác. Bị cáo H chấp nhận khoản bồi thường trên nhưng chưa bồi thường cho Đinh Văn K.

[7.3] Ngày 01/9/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bị hại là chị Bùi Thị Th. Chị Th đã nhận được xe và không cầu bồi thường. Các tài sản khác gồm biển số xe, khuy cổng và dây thép gai bị cắt không yêu cầu bồi thường.

Chị Bùi Thị M yêu cầu K phải bồi thường khoản tiền 5.300.000 đồng tiền đã mua xe, ngoài ra không yêu cầu bồi thường khoản nào khác. K chấp nhận khoản bồi thường trên nhưng chưa bồi thường cho chị M.

Đinh Văn K yêu cầu H phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng tiền K đã mua xe, ngoài ra không yêu cầu bồi thường khoản nào khác. Bị cáo H chấp nhận khoản bồi thường trên nhưng chưa bồi thường được.

[7.4] Ngày 31/8/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Khắc K. Ông K đã nhận lại xe và không cầu bồi thường. Các tài sản khác gồm biển số xe, khóa cửa ngách, khóa cửa bếp; cánh cổng bị đẩy hư hỏng ông K không yêu cầu bồi thường.

Anh Nguyễn Thế Kh yêu cầu H phải bồi thường 3.300.000 đồng tiền đã mua xe. Bị cáo H chấp nhận khoản bồi thường trên nhưng chưa bồi thường được.

[7.5] Ngày 31/8/2018 cơ quan điều tra đã trả chiếc ti vi trên cho bị hại là anh M. Anh M yêu cầu H bồi thường 337.500 đồng tấm nỉ lót. Các tài sản khác gồm khóa cổng và chìa khóa đã mất không yêu cầu bồi thường.

Anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu H phải bồi thường 5.200.000 đồng tiền đã mua tivi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7.6] Ngày 01/9/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bị hại là anh Á. Anh Á đã nhận lại xe không yêu cầu bồi thường. Các tài sản khác gồm: biển

số xe máy điện, đăng ký xe và số tiền 250.000 đồng trong cốp xe, khóa và khuy cổng bị hỏng anh Á không yêu cầu bồi thường.

Chị Nguyễn Thị Nh yêu cầu yêu cầu K bồi thường số tiền 6.000.000 đồng tiền mua xe máy điện của K, K đồng ý bồi thường khoản tiền trên cho chị Nh.

[7.7] Ngày 31/8/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Lê Duyên Th. Ông Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Bà Vũ Thị S yêu cầu H phải bồi thường khoản tiền 2.300.000 đồng tiền đã mua xe. Bị cáo H chấp nhận khoản bồi thường trên nhưng chưa bồi thường được.

[7.8] Anh Nguyễn Ngọc S yêu cầu H bồi thường 8.949.600 đồng tiền điện thoại theo định giá. Bị cáo H chấp nhận khoản bồi thường trên nhưng chưa bồi thường được.

[7.9] Anh Nguyễn Hữu Th yêu cầu bồi thường tổng trị giá 03 điện thoại là 2.259.840 đồng.

[7.10] Ông Lê Đức S yêu cầu bồi thường 90.000 đồng.

[7.11] Anh Lê Đức N yêu cầu bồi thường 2.015.000 đồng.

[7.12] Chị Nguyễn Thị Minh Ch yêu cầu bồi thường 12.375.450 đồng.

[7.13] Chị Vũ Thị H yêu cầu bồi thường 3.600.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chính đáng vì vậy cần buộc bị cáo H phải bồi thường cho:

1. Anh Đặng Văn H: 4.361.590đồng.
2. Anh Nguyễn Văn M: 337.500đồng.
3. Anh Nguyễn Ngọc S: 8.949.600đồng.
4. Anh Nguyễn Hữu Th: 2.259.840đồng.
5. Anh Lê Đức S: 90.000đồng.
6. Anh Lê Đức N: 2.015.000đồng.
7. Chị Nguyễn Thị Minh Ch: 12.375.450đồng.
8. Chị Vũ Thị H: 3.600.000đồng.
9. Đinh Văn K: 3.500.000đồng +4.000.000đồng = 7.500.000đồng
10. Anh Nguyễn Thế Kh: 3.300.000đồng.
11. Bà Vũ Thị S: 2.300.000đồng.

* Bà M; anh M; ông V; chị Th; ông K; anh Á; ông Th đã được nhận lại tài sản không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu bị cáo H bồi thường 5.200.000đồng tiền anh mua ti vi của H và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Buộc bị cáo K phải bồi thường cho:

1. Chị Bùi Thị M: 5.300.000đồng.
2. Chị Nguyễn Thị Nh: 6.000.000đồng.

Ngày 17/10/2018 bị cáo K đã nộp 2.000.000đồng tiền bồi thường cho chị Nguyễn Thị Nh tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Vậy số tiền bị cáo K còn phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Nh là 4.000.000đồng.

- Đối với số tiền: 4000.000 đồng bị cáo H bán xe máy điện hiệu X men cho K tại lần trộm cắp thứ 5, K biết là tài sản trộm cắp nhưng vẫn mua sau đó bán cho chị Nh với giá 6000.000 đồng. Bị cáo K đã nhận bồi thường cho chị Nh, bị cáo H không phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự nên xác định 4000.000 đồng trên là tiền bị cáo H phạm tội mà có. Áp dụng Khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần truy thu thu sung quỹ nhà nước số tiền 4000.000 đồng của bị cáo H.

[8] Về vật chứng:

- 02 chiếc tô vít; 01 chiếc kìm cộng lực; 01 đôi dép; 01 mũ lưỡi trai; 01 đèn pin; 01 dao bấm; 01 đoạn sắt hình chữ L là vật chứng liên quan đến việc phạm tội, 02 sim điện thoại của anh S nhưng anh S khai đã làm sim mới nên hai sim nay không còn giá trị, anh không xin lại cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc xe đạp cũ bị cáo H dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

*** Trong vụ án này**: Ngoài 09 lần thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, Bùi Văn H khai nhận:

- Ngày 13/6/2018, H có hành vi trộm cắp của bà Lương Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1661-2 trị giá 80.000 đồng, bà H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu H bồi thường. Công an huyện Đông Hưng đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với H là đúng quy định của pháp luật.

- Trong năm 2017, H còn trộm cắp: 01 xe máy điện hiệu Xmen nhưng không nhớ thuộc địa phận nào của huyện Đông Hưng, không nhớ đặc điểm và biển kiểm soát của xe máy điện sau đó bán cho Đinh Văn K với giá 5.000.000 đồng. Chiếc xe này K sửa hết 370.000 đồng và đã bán lại cho khách hàng không rõ tên và địa chỉ được 6.000.000 đồng. Trộm cắp 01 xe máy điện nhãn hiệu Peeds, H không nhớ địa bàn nào của huyện Đông Hưng, không nhớ đặc điểm và biển kiểm soát của xe, sau khi trộm cắp được đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Quang Tr với giá 1.000.000 đồng. Khi bán xe H không nói cho anh Tr biết đó là xe do H trộm cắp mà có. Trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu LG 42 inch. Sau khi trộm cắp được H đã bán chiếc tivi trên cho anh Nguyễn Thế Kh với giá 4.300.000 đồng. Khi bán chiếc tivi trên H nói với anh Kh là ti vi của gia đình H. H trộm cắp 01 tivi nhãn hiệu SamSung 42 inch cùng điều khiển. Sau khi trộm cắp được đã bán cho bà Vũ Thị S, sinh năm 1973 ở cùng thôn với giá 5.000.000 đồng. Khi bán chiếc tivi trên H không nói cho bà S biết chiếc ti vi do H trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã quản lý của anh Tr 01 xe máy điện, của anh Kh, bà S 02 chiếc tivi đồng thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm bị hại và tiến hành xác minh nhưng không xác định được bị hại. Ngoài lời khai của bị cáo không còn chứng cứ, chứng minh nào khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý điều tra xử lý sau.

Ngoài ra Bùi Văn H còn bán cho Đinh Văn H 01 ti vi sam sung 42 inch; bán cho anh Nguyễn Thế Kh 01 ổn áp; 01 máy hàn và bán cho Đinh Văn K 01 máy hàn, 01 máy cắt do chưa chứng minh được nguồn gốc tài sản nên cơ quan điều tra tách ra để điều tra xử lý sau.

Ngoài lần mua xe máy điện biết rõ do H trộm cắp được mà có bán cho vào ngày 30/9/2017, Đinh Văn K còn 03 lần mua xe máy điện của Bùi Văn H vào các ngày 23/2/2017, 04/3/2017 và vào đầu tháng 10/2017, nhưng khi bán H không nói rõ cho K biết và K cũng không hỏi về nguồn gốc của những chiếc xe máy điện trên và chưa xác định được người bị hại do đó không có căn cứ để xử lý đối với K về các lần mua xe máy điện này.

Quá trình điều tra xác định: Bùi Văn H sống cùng vợ, làm nghề lao động tự do mua bán đồng nát và làm ruộng, ngoài ra còn đánh bắt cá trên sông có thu nhập ổn định. Các lần trộm cắp không liên tục, số tiền bán tài sản trộm cắp H sử dụng vào việc chơi bời, mua sắm, chi tiêu cá nhân, không lấy số tiền trên để duy trì làm nguồn sống chính của bản thân, gia đình nên không có căn cứ để xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Đối với những người đã mua tài sản như chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico màu xanh đen, biển số 17MĐ3-059.10, 02 chiếc điện thoại loại Oppo A71 và Vivo V5(s), 04 chiếc điện thoại loại Sony Xperia, Oppo Mirror 5, Samsung J5; Nokia 128 không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Thế Kh, bà Vũ Thị S, chị Lê Thị B, anh Nguyễn Xuân T, chị Bùi Thị M, anh Hoàng Văn H khi mua tài sản của H bán và được cho tài sản nhưng không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Vũ Thị Th, sinh năm 1975 là vợ của H. Quá trình chung sống 02 vợ chồng ly thân nên không biết việc H có hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và LV-Mobile; 02 ví da cũ thu tại gia đình H qua điều tra xác minh là của H và vợ, không liên quan đến vụ án Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Th là vợ H. Đối với 01 khẩu súng dạng súng bắn điện có vỏ nhựa thu tại nhà H, cơ quan điều tra tiếp tục quản lý, điều tra làm rõ nguồn gốc sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Đinh Văn K phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

2. Áp dụng:

* Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 03(ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn K 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/11/2018.

Giao bị cáo Đinh Văn K cho Uỷ ban nhân dân Xã V, huyện H, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015

**** Buộc bị cáo H phải bồi thường cho:***

1. Anh Đặng Văn H – sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh T. Số tiền: 4.361.590đồng.

2. Anh Nguyễn Văn M – sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh T. Số tiền: 337.500đồng.

3. Anh Nguyễn Ngọc S – sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh T. Số tiền: 8.949.600đồng.

4. Anh Nguyễn Hữu Th – sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T: 2.259.840đồng.

5. Ông Lê Đức S – sinh năm 1948; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T: 90.000đồng.

6. Anh Lê Đức N – sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T: 2.015.000đồng.

7. Chị Nguyễn Thị Minh Ch – sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T: 12.375.450đồng.

8. Chị Vũ Thị H – sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T: 3.600.000đồng.

9. Đinh Văn K– sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T: 3.500.000đồng +4.000.000đồng = 7.500.000đồng.

10. Anh Nguyễn Thế Kh – sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T: 3.300.000đồng.

11. Bà Vũ Thị S – sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T: 2.300.000đồng.

Tổng số tiền bị cáo H phải bồi thường là: 47.088.980đồng.

**** Buộc bị cáo K phải bồi thường cho:***

1. Chị Bùi Thị M – sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T: 5.300.000đồng.

2. Chị Nguyễn Thị Nh – sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T: 6.000.000đồng.

Tổng số tiền bị cáo K phải bồi thường là 11.300.000đồng. Bị cáo K đã nộp 2.000.000đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng để bồi thường cho chị Nh nên còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Nh 4.000.000đồng.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Truy thu số tiền 4000.000 đồng bị cáo H bán xe máy điện hiệu X men trộm cắp nhà anh Á cho K tại lần trộm cắp thứ 5 để nộp ngân sách nhà nước.

- **4. Về vật chứng**: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc xe đạp cũ bị cáo H dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản.

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc tô vít; 01 chiếc kìm cộng lực; 01 đôi dép; 01 mũ lưỡi trai; 01 đèn pin; 01 dao bấm; 01 đoạn sắt hình chữ L; 02 sim điện thoại.

(Thể hiện chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2018 giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục THADS huyện Đông Hưng)

5. Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 2.354.449 đồng, bị cáo Đinh Văn K phải chịu 465.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt các bị cáo, anh H, bà M, ông M, anh S, chị Ch, chị Nh, anh Kh, anh T báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt ông V, chị Nguyễn Thị Th, ông K, anh Á, ông Th, anh Th, ông S, anh N, chị H, bà S, anh Tr, anh H, chị M, anh H báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước tương ứng với số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- THADS huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- UBND xã V;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương